TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/DS – ST
Ngày: 14 - 6 -2024
"V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thị Chín và bà Nguyễn Thị Lê

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa:

-*Nguyên đơn*: ông Giang Công T; sinh năm: 2000
Nơi thường trú: Ấp 6, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
Địa chỉ liên hệ: số 889, QL 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Quốc Th, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn 1, xã Long Hưng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

-*Bị đơn:* ông Phạm Văn L; sinh năm: 1982
Và bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2023, nguyên đơn ông Giang Công T trình bày:

Vào ngày 01/3/2022, ông có cho ông L và bà A vay số tiền 313.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười ba triệu đồng), thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày ký kết giấy vay tiền tức đến ngày 11/3/2022 ông L, bà A phải thanh toán khoản nợ nêu trên cho ông. Vì có quen biết từ trước nên khi ông L và bà A muốn vay tiền thì ông cũng cố gắng xoay sở để cho vay. Đến hạn, ông có gọi điện yêu cầu vợ chồng ông L trả nợ thì ông bà nói không có tiền. Sau đó ông có liên hệ nhiều lần nhưng đều không nhận được phản hồi từ phía ông bà. Mãi cho đến nay đã quá thời hạn phải trả nợ vợ chồng ông L vẫn không trả nợ cho ông như đã cam kết, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L bà A phải trả ông số tiền 313.000.000đ. Không yêu cầu tính tiền lãi.

-Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày tại bản tự khai ngày 25/3/2024: Vào ngày 01/3/2022, vợ chồng bà có vay ông Giang Công T số tiền 313.000.000đ 9ba trăm mười ba triệu đồng), hẹn 10 ngày trả, do kinh tế khó khăn nên vẫn chưa trả được đồng nào. Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền trên thì bà đồng ý, thời hạn đến cuối năm 2024 thì vợ chồng bà trả hết, khi vay vợ chồng bà có ký vào giấy mượn tiền.

- Bị đơn ông Phạm Văn L vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L bà A phải trả ông T số tiền nợ gốc 313.000.000đ. Không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

- Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông L bà A có nghĩa vụ liên đới trả ông T số tiền vay gốc là 313.000.000đ. Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Giang Công T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn L, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1988 có nơi cư trú tại thôn 1, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền số tiền nợ gốc 313.000.000 đồng. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc

thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Giang Công T yêu cầu ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả số tiền số tiền nợ gốc 313.000.000 đồng:

Xét thấy, căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/3/2022 có nội dung: "*Vợ chồng tôi có mượn của ông Giang Công T số tiền 313.000.000đồng, hẹn đến ngày 11/3/2022 sẽ trả"* ông L, bà A có ký tên trong giấy mượn tiền. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông L bà A không trả cho ông T số tiền nào. Bị đơn bà A cũng thừa nhận sự việc này. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Như vậy, đến hạn trả nợ vào ngày 11/3/2022, bị đơn ông L bà A không trả đầy đủ số tiền vay cho ông T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu ông L bà A phải trả số tiền nợ gốc 313.000.000đồng là có cơ sở cần được chấp nhận. Cần buộc bị đơn ông L bà A phải có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn ông T số tiền nợ gốc 313.000.000đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giang Công T. Buộc bị đơn ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Thúy A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Giang Công T số tiền gốc 313.000.000đồng.

2.Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Thúy A liên đới nộp 15.650.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho ông Giang Công T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.815.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0009032 ngày 16/01/2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ý)

Trần Thị Thu Hà